

Bản án số: 184/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/10/2020.

*V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Sỹ Định và ông Nguyễn Nhân Phái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 141/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020, về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 16/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Hồ Thị H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 06 tháng 8 năm 2020 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là anh Nguyễn Duy T trình bày như sau:

Anh T và chị Hồ Thị H có đăng ký kết hôn vào ngày 08/9/2000 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng sống có hạnh phúc được thời gian 15 năm, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau, chị H không tôn trọng anh và gia đình, vợ chồng lời qua tiếng lại, cãi vã xúc phạm nhau. Anh và chị H sống ly thân từ tháng 8/2016, từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai, cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Nay anh không còn tình thương yêu chị H nữa, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn chị Hồ Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có 3 con chung là Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 17/5/2001; Nguyễn Duy T, sinh ngày 05/10/2003 và Nguyễn Duy T, sinh

ngày 29/10/2009. Đối với cháu M đã trên 18 tuổi, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết giao 2 cháu T, T cho anh được chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

Bản sao giấy khai sinh Nguyễn Thị Ngọc M, Nguyễn Duy T; Bản sao giấy khai sinh Nguyễn Duy T; Bản sao sổ hộ khẩu mang; Bản sao giấy chứng minh nhân dân.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án cho chị Hồ Thị H biết việc anh Nguyễn Duy T xin ly hôn nhưng trong thời hạn luật định bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án cũng đã nhiều lần Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Hương đều vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 15/9/2020, Ủy ban nhân dân xã L cho biết anh Nguyễn Duy T và chị Hồ Thị H có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã xúc phạm nhau. Ủy ban nhân dân xã L đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã đến nhà giao cho chị H (gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) nhưng không giao được vì chị H cứ đi rồi lại về, không thường xuyên có mặt ở nhà. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản trên tại nơi cư trú và trụ sở Ủy ban nhân dân xã L theo quy định.

Do chị Hồ Thị H vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 01/10/2020, Tòa án đã mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử nhưng do anh V vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 16 tháng 10 năm 2020, đồng thời niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa lần thứ hai, chị H tiếp tục vắng mặt.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn nhiều lần vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 4 Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nêu trên là hợp lệ nhưng bị đơn cố tình vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và hai lần vắng mặt tại phiên tòa. Bởi vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Duy T và chị Hồ Thị H có đăng ký kết hôn vào ngày 08/9/2000 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về quá mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và chị H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình sống chung, giữa nguyên đơn và chị H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không tôn trọng nhau, không quan tâm, chăm sóc cho nhau, anh T và chị H đã sống ly thân từ tháng 8/2016, từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai, cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không được. Do vậy hôn nhân của anh T và chị H đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Duy T.

[3] Về con chung: Xét thấy, đối với cháu Nguyễn Thị Ngọc M đã trên 18 tuổi, có công việc ổn định, không bị nhược điểm về thể chất, tinh thần, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với các cháu Nguyễn Duy T và Nguyễn Duy T đều có bản trình bày nguyện vọng muốn ở với anh T, anh T cũng yêu cầu Tòa án giải quyết giao hai cháu T, T cho anh được chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử đã giải thích cho anh T rõ về các quy định của Luật hôn nhân gia đình về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Anh T trình bày đảm bảo đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Duy T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Duy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Duy T. Anh T được ly hôn chị Hồ Thị H.

2. Về việc nuôi con: Giao các cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 05/10/2003 và Nguyễn Duy T, sinh ngày 29/10/2009 cho anh Nguyễn Duy T được chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Hồ Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Duy T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ anh Tuấn đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/000 1614, ngày 11/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lộc. Anh Tuấn đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- Đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Sang